

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)
Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT)
Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**NGHIÊN CỨU TỔNG THỂ
VỀ
PHÁT TRIỂN DU LỊCH
CHO
KHU VỰC MIỀN TRUNG
NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM**

**BÁO CÁO CUỐI CÙNG
TÓM TẮT**

Tháng 3 năm 2002

**Công ty tư vấn Quốc tế Thái Bình Dương
Công ty ALMEC**

PREFACE

In response to the request from the Government of the Socialist Republic of Vietnam, the Government of Japan decided to conduct the comprehensive study on tourism development in the central region of the Socialist Republic of Vietnam and entrusted the study to Japan International Cooperation Agency (JICA).

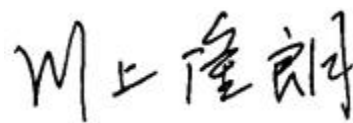
JICA dispatched a study team headed by Mr. Tadashi Kume of Pacific Consultants International and consisting of Pacific Consultants International and ALMEC Corporation to Vietnam, three times between November 2000 and February 2002. In addition, JICA set up an Advisory Committee headed by Mr. Yusuke Tamaki of Japan Seafarers Relief Association between November 2000 and February 2002, which examined the Study from specialist and technical point of view.

The team held discussions with the officials concerned of the Government of Vietnam and conducted field surveys at the study area. Upon returning to Japan, the team conducted further studies and prepared this final report.

I hope that this report will contribute to tourism development and promotion in Vietnam and to the enhancement of friendly relationship between our two countries.

Finally, I wish to express my sincere appreciation to the officials concerned of the Government of Vietnam for their close cooperation extended to the team.

February 2002



Takao Kawakami

President

Japan International Cooperation Agency

February 2002

Mr. Takao Kawakami
President
Japan International Cooperation Agency
Tokyo, Japan

Letter of Transmittal

Dear Sir,

We are pleased to formally submit herewith the Final Report of “Comprehensive Study on Tourism Development in the Central Region of the Socialist Republic of Vietnam”.

This report compiles the results of the Study which was undertaken in the Socialist Republic of Vietnam from November 2000 through February 2002 by the Study Team, consisting of Pacific Consultants International and ALMEC Corporation.

We had been assisted by many people for the accomplishment of the Study, and we would like to express our sincere gratitude and appreciation to all those who extended their kind assistance and cooperation to the Study Team, in particular, Vietnam National Administration of Tourism who acted as the counterpart agency.

Also we acknowledge the effective assistance by all the officials of your Agency and the Embassy of Japan in the Socialist Republic of Vietnam.

We hope that the report will be able to contribute to formulate appropriate policies and measures for the future development of Vietnam.

Very truly yours,



Tadashi Kume
Team Leader,
Comprehensive Study on Tourism Development
In the Central Region of the Socialist Republic of
Vietnam



The Study Area Map

TÓM TẮT

Cơ sở nghiên cứu

Các điều kiện kinh tế của miền Trung Việt Nam đều thấp hơn so với miền Bắc và miền Nam. Phát triển Du lịch là một trong những lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế khu vực miền Trung. Hiện có ba Di sản thế giới trong khu vực miền Trung. Nghiên cứu này nhằm lập Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch.

Vùng nghiên cứu là khu vực miền Trung Việt Nam, bao gồm các tỉnh và thành phố: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Việc lập cơ sở dữ liệu Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) về thông tin du lịch cho Vùng nghiên cứu, và cho công tác quản lý tài nguyên du lịch của đô thị cổ Hội An cũng được thực hiện trong Nghiên cứu này.

Khung phát triển

Du khách quốc tế vào Việt Nam ước đạt 4,2 triệu lượt người vào năm 2010 và 8,0 triệu vào năm 2020. Tổng lượng khách quốc tế đến tăng gấp đôi trong vòng 10 năm, và 4 lần trong vòng 20 năm. Mặt khác, lượng du khách nội địa theo các con số thống kê chính thức là khoảng 10 triệu vào năm 2000, và được dự đoán sẽ tăng lên đến 50 triệu lượt vào năm 2020 với mức tăng trung bình hàng năm là 8,4 phần trăm. Mặt khác, một phần hai trong tổng số dân Việt Nam sẽ đi du lịch có lưu trú ít nhất là một lần trong năm.

Tổng số đêm lưu trú du khách bao gồm cả du khách nội địa và quốc tế được ước tính là 28 triệu lượt trong năm 2000, và con số đó sẽ tăng gấp bốn lần đến 120 triệu lượt vào năm 2020. Từ kết quả đó, thu nhập du lịch từ du khách nội địa và quốc tế cũng sẽ gấp đôi trong vòng 10 năm từ 21 nghìn tỉ đồng đến 43 nghìn tỉ đồng.

Việc làm trực tiếp và gián tiếp trong Vùng nghiên cứu vào năm 2010 sẽ là 50 nghìn và 120 nghìn vào năm 2020.

Sản phẩm du lịch thường được hiểu là “Package Tour - Chuyến du lịch trọn gói” bao gồm các dịch vụ khác nhau 1) giao thông, 2) cơ sở lưu trú, 3) thực phẩm, mua sắm, giải trí, v.v.. Các chuyến du lịch trọn gói về lịch sử văn hoá hiển nhiên là sản phẩm đặc trưng của Vùng nghiên cứu.

Khu vực phù hợp để phát triển khu nghỉ dưỡng biển trong Vùng nghiên cứu là rất hạn chế. Cần xem xét phát triển du lịch thay thế với các điều kiện tự nhiên tốt và các tài nguyên tiềm năng của Vùng. Khung phát triển không gian cho Vùng nghiên cứu được lập trên cơ sở các điều kiện đó như sau:

- Phần phía bắc của Vùng nghiên cứu bao gồm Huế, Hội An và Mỹ Sơn cần được củng cố như là điểm đến du lịch văn hoá lịch sử với một số khu nghỉ dưỡng bổ sung
- Phần phía nam mà đại diện là Khánh Hoà và Bình Thuận cần được phát triển thành điểm đến nghỉ dưỡng ven biển với điều kiện thời tiết và khả năng tiếp cận tốt

Khi những điểm đến này đã hình thành trong vùng nghiên cứu, điều cần thiết đối với các tài nguyên du lịch là phát triển với một sự quản lý phù hợp. Bảo tồn và phục hồi trong một cách thức thống nhất bằng cách phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan là rất quan trọng.

Chiến lược và vấn đề phát triển

Chiến lược phát triển được đặt ra theo các vấn đề phát triển thông qua đánh giá từ bốn quan điểm sau 1) Phát triển thể chế, 2) Phát triển nguồn nhân lực, 3) Phát triển tiện nghi và 4) Quản lý tài nguyên.

Phát triển thể chế

Những vấn đề chính của phát triển thể chế có ý nghĩa đối với phát triển du lịch ở Việt Nam và miền Trung là công tác xúc tiến và quảng bá thị trường kết hợp với cung cấp thông tin du lịch cũng như phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan quản lý khác nhau cho phát triển du lịch. Chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị sau;

- Xúc tiến công tác khuyến khích người nước ngoài vào Việt Nam, đi du lịch khắp trong nước, lưu trú lâu hơn và có mức chi tiêu hàng ngày cao hơn, trong khi có xem xét tới khả năng tiếp nhận và tính chất của từng điểm đến.
- Thành lập một cơ quan, lấy tên là Ban Xúc tiến Du lịch Việt Nam (VTPB) dưới sự quản lý của Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT), để tiến hành công tác xúc tiến và quảng bá ở cấp độ chuyên nghiệp.
- Thành lập các văn phòng đại diện ở nước ngoài của cơ quan trên tại các thị trường nguồn chính để tiến hành các hoạt động xúc tiến đa dạng và cụ thể trong địa bàn phụ trách của mình
- Thành lập các Trung tâm Thông tin Du lịch (TIC), trực thuộc cơ quan này, tại ba thành phố cửa ngõ và các điểm đến phổ biến khác nhằm tăng cường tính thân thiện của các điểm đến.

Các cơ quan tiến hành có thể chủ yếu là chính quyền địa phương bao gồm cả các trường hợp mô hình liên kết, liên doanh với khối tư nhân. Các bộ (không chỉ VNAT) cần đóng vai trò giám sát. Các bộ cần thiết lập các tiêu chí và hướng dẫn cho phát triển, vận hành và kiểm tra để bảo vệ các tiện nghi quốc gia và quốc tế để có được phát triển du lịch bền vững.

Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực trong ngành du lịch đòi hỏi phải nâng cao tính hiệu quả của hệ thống giáo dục và đào tạo du lịch và nâng cao chất lượng và số lượng lực lượng lao động. Cùng lúc, nâng cấp thể chế cho hệ thống giáo dục và đào tạo như các tiêu chuẩn nghề nghiệp, chứng nhận chuyên nghiệp, chứng nhận đào tạo trên cơ sở các tiêu chuẩn nghề nghiệp cần được thực hiện chặt chẽ. Để đảm bảo hệ thống đào tạo đáp ứng được nhu cầu của ngành, chúng tôi đưa ra khuyến nghị cần nâng cấp hệ thống quản lý các trường đào tạo du lịch để có thể quản lý hiệu quả các trường này cũng như phát triển nghiên cứu theo yêu cầu đào tạo của ngành. Và việc mở rộng cơ hội giáo dục đào tạo cho các nhóm dân tộc thiểu số và người nghèo cần được quan tâm.

Phát triển tiện nghi du lịch

Các tiện nghi giao thông cần nhanh chóng được cải tạo và nâng cấp đặc biệt là đường hàng không. Chúng tôi đề xuất phát triển nhà ga hành khách tại cảng biển để đón du thuyền quốc tế và vận hành xe lửa du lịch đoạn Huế - Đà Nẵng nhằm đa dạng hoá sản phẩm.

Các tiện nghi vệ sinh ở các khu đô thị của các điểm đến chính cần được nâng cấp nhanh chóng, và các tiện nghi về dịch vụ du khách như Trung tâm Thông tin Du lịch, tiện nghi nghỉ ngơi, khu vệ sinh công cộng và không gian cho du khách cũng được đề nghị phát triển tại từng điểm đến chính.

Cơ sở lưu trú cần phù hợp từng dạng điều kiện vị trí và hình ảnh sản phẩm, và đề nghị

nên phát triển chủ yếu ở khu vực ven biển, có chú ý tới sự phân bổ hài hoà với nhu cầu và xu hướng thị trường.

Quản lý tài nguyên du lịch

Quản lý tài nguyên du lịch liên quan đến các hoạt động 1) Quản lý và bảo tồn các tài nguyên tự nhiên, 2) Quản lý và bảo tồn các tài nguyên lịch sử và văn hoá, 3) Phát triển nông thôn (du lịch làng quê hay du lịch sinh thái), và bảo tồn môi trường xã hội, và 4) Bảo vệ môi trường và nâng cấp đô thị.

Bảo tồn môi trường và bảo vệ tài nguyên du lịch tránh xuống cấp là yếu tố chủ chốt cho phát triển du lịch bền vững. Giảm thiểu lũ và tái trồng rừng để phát triển nguồn nước là những hành động cần thiết để quản lý tài nguyên du lịch hiệu quả.

Hệ thống Đánh giá Môi trường cần được cải thiện và nâng cấp hiệu quả để giảm thiểu những tác động tiêu cực của phát triển du lịch.

Cần có sự phối hợp và hợp tác với MoCI (Bộ Văn hoá - Thông tin) cơ quan chủ quản các tài nguyên văn hoá lịch sử để tăng cường công tác quản lý du khách và xúc tiến nó vì mục đích du lịch và phát triển.

Đề xuất các tiện nghi du khách để khuyến khích du lịch văn hoá và lịch sử, không chỉ cho du khách mà còn cho cả người dân Việt Nam. Phòng trưng bày tại địa điểm di tích, trung tâm du khách, và trung tâm hàng thủ công được đề xuất phát triển như là các tiện nghi du khách.

Phát triển nông thôn và du lịch làng quê trở nên các chiến lược phát triển tối quan trọng cho Việt Nam. Căn cứ vào sự phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của du lịch và vào ý kiến của người dân, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết lập cơ chế phối hợp hoạt động giữa các nhà nắm giữ tài nguyên
- Lập và thực hiện hướng dẫn du lịch làng quê
- Chuẩn bị và tiến hành danh mục đánh giá cho phát triển du lịch
- Chuẩn bị các quy định để bảo vệ môi trường xã hội

Tiến hành các dự án thí điểm để đáp ứng được các điều kiện thực tế cho việc lập hướng dẫn phát triển bao gồm hỗ trợ từ phía Chính phủ, dịch vụ thông tin, tham gia và đào tạo cộng đồng, nâng cao nhận thức người dân.

Các thành phố là nơi tập trung cơ sở lưu trú và các điểm hấp dẫn du khách. Những thành phố/ trung tâm du lịch này cần được giữ gìn sạch đẹp, an toàn và thoải mái cho du khách.

Đô thị hoá sẽ gây ra ô nhiễm đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước, vấn đề chất thải rắn, và ảnh hưởng đến mỹ quan chung. Để phòng ô nhiễm nguồn nước cho Đà Nẵng, Huế, Hội An và Nha Trang, và hệ thống xử lý chất thải rắn cho Đà Nẵng, Huế, Hội An cũng được xác định là yêu cầu cấp bách.

Và các vấn đề khác để bảo vệ môi trường tránh các tác động tiêu cực từ phát triển du lịch gây ra là:

- Thiết lập hệ thống quản lý đô thị để bảo tồn môi trường văn hoá lịch sử có liên kết với quản lý phát triển đô thị đặc biệt là cho thành phố Huế và thị xã Hội An.
- Kiểm soát việc sử dụng đất tại khu vực ven biển nhằm bảo vệ và hình thành các bãi biển đẹp và môi trường nước tốt ở Đà Nẵng và Nha Trang.
- Chuẩn bị trung tâm du khách hay đầu mối giao thông nơi du khách có thể tập trung, trao đổi với mọi người và nghỉ ngơi.

Các chương trình và dự án

Cùng với các chiến lược phát triển đề xuất, hai mươi năm chương trình và dự án ưu tiên cũng đã được xác định. Đặc biệt, việc thành lập VTPB để xúc tiến Du lịch ở cấp quốc gia, Trung tâm Thông tin Du lịch và phát triển Học viện Du lịch Việt Nam có liên quan chặt chẽ đến VNAT.

Tổng chi phí đầu tư cần thiết cho phát triển du lịch trong Vùng nghiên cứu đến năm 2010 được ước tính là 1,3 tỷ đô la Mỹ. Chi phí này bao gồm việc thực hiện các chương trình, dự án đề xuất trong quy hoạch tổng thể cộng với chi phí đầu tư cho phát triển cơ sở lưu trú. Mặt khác, giá trị gia tăng ước đạt 4,6 tỷ đô la Mỹ. Tỷ lệ giá trị gia tăng trên chi phí đầu tư là 5,4. Đầu tư cho phát triển du lịch sẽ đóng góp vào phát triển kinh tế của Vùng nghiên cứu cũng như bảo tồn văn hoá và xã hội.

Các hướng dẫn cho phát triển du lịch như Du lịch Làng quê và phát triển các tiện nghi du lịch khác cũng được đưa ra.

**NGHIÊN CỨU TỔNG THỂ VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
CHO KHU VỰC MIỀN TRUNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Báo cáo cuối cùng
Tóm tắt
Mục lục**

1.	Giới thiệu chung	1
1.1	Các mục tiêu nghiên cứu	1
1.2	Vùng nghiên cứu.....	1
1.3	Du lịch ở Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng	7
2.	Khung phát triển du lịch.....	9
2.1	Khung phát triển du lịch ở Việt Nam	9
2.2	Khung phát triển Du lịch cho Vùng nghiên cứu	11
3.	Các vấn đề	15
3.1	Phát triển thể chế.....	15
3.2	Phát triển nguồn nhân lực	15
3.3	Phát triển tiện nghi	16
3.4	Quản lý tài nguyên du lịch	17
4.	Các chiến lược phát triển	21
4.1	Xúc tiến và quảng bá thị trường	21
4.2	Phát triển nguồn nhân lực	22
4.3	Phát triển tiện nghi	22
4.4	Quản lý tài nguyên du lịch	23
5.	Các chương trình và dự án ưu tiên	26
5.1	Các chương trình và dự án	26
5.2	Phân tích tác động kinh tế	26
5.3	Đánh giá môi trường ban đầu	26
6.	Kết luận và khuyến nghị.....	40

Những chữ viết tắt

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
ALS	Thời gian lưu trú trung bình
AMTA	Cơ quan Điều phối các hoạt động Du lịch sông Mêkông
APETIT	Các Viện Giáo dục và Đào tạo Châu Á - TBD về Du lịch
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
CLH	Khách sạn đã xếp hạng
COMECON	Hội nghị Kinh tế Cộng sản
DOSTE	Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường
EIA	Đánh giá Tác động Môi trường
EIRR	Tỷ lệ nội hoàn kinh tế
ESCAP	Ủy ban Kinh tế - Xã hội Châu Á - Thái Bình Dương
F/S	Nghiên cứu khả thi
FDI	Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GIS	Hệ thống Thông tin Địa lý
GMS	Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng
GRDP	Tổng sản phẩm nội vùng
GSO	Tổng cục Thống kê
HCMC	Thành phố Hồ Chí Minh
HR	Nguồn nhân lực
IEE	Đánh giá môi trường sơ bộ
ITDR	Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MOC	Bộ Xây dựng
MOCI	Bộ Văn hoá - Thông tin
MOET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MOFA	Bộ Ngoại giao
MOSTE	Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
MOT	Bộ Giao thông Vận tải
MOWR	Bộ Thủy lợi
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

NGO	Tổ chức phi Chính phủ
NTCCB	Ban Giáo trình và Chứng chỉ Du lịch Quốc gia
OJT	vừa học vừa làm
PATA	Hội Lữ hành Châu Á - Thái Bình Dương
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
SOE	Doanh nghiệp Quốc doanh
TIC	Trung tâm Thông tin Du lịch
TITC	Trung tâm Công nghệ Thông tin Du lịch
TTHue	Thừa Thiên Huế
UNDHA	Ủy ban của Liên Hợp Quốc về các vấn đề nhân đạo
UNDP	Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc
USTDA	Cơ quan Phát triển và Thương mại Hoa kỳ
VINALINES	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
VINAMARINE	Cục Hàng hải Việt Nam
VINASHIN	Tổng công ty Công nghiệp đóng tàu Việt Nam
VINATOUR	Tổng công ty Du lịch Việt Nam
VA	Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam
VNAT	Tổng cục Du lịch Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
VNTO	Tổ chức Du lịch Việt Nam
VR	Đường sắt Việt Nam
WTO	Tổ chức Du lịch Thế giới
WWF	Quỹ bảo vệ thiên nhiên hoang dã

1. Giới thiệu chung

1.1 Các mục tiêu nghiên cứu

Các mục tiêu của Nghiên cứu này là:

- Đánh giá và phân tích các điều kiện hiện tại bao gồm cả các chính sách và chiến lược cho ngành du lịch,
- Lập quy hoạch tổng thể phát triển du lịch với năm mục tiêu 2020;
- Tiến hành nghiên cứu khả thi các dự án chọn lọc với năm mục tiêu 2010;
- Lập cơ sở dữ liệu địa lý kỹ thuật số cho miền Trung Việt Nam và một Hệ thống Thông tin Địa lý (sau đây gọi tắt là GIS) cho phố cổ Hội An và khu vực xung quanh; và
- Chuyển giao kỹ thuật về phát triển du lịch thông qua Nghiên cứu.

1.2 Vùng nghiên cứu

1.2.1 Các địa phương trong vùng nghiên cứu

Vùng nghiên cứu là khu vực miền Trung Việt Nam, bao gồm các tỉnh và thành phố: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Trong báo cáo này, vùng và khu du lịch được Đoàn nghiên cứu JICA chia như trình bày trong bảng 1.2.1. Vùng nghiên cứu là C1 Duyên hải bắc Trung bộ, C2 Duyên hải Trung tâm, và C3 Duyên hải nam Trung bộ.

Bảng 1.2.1 Xác định vùng và khu du lịch

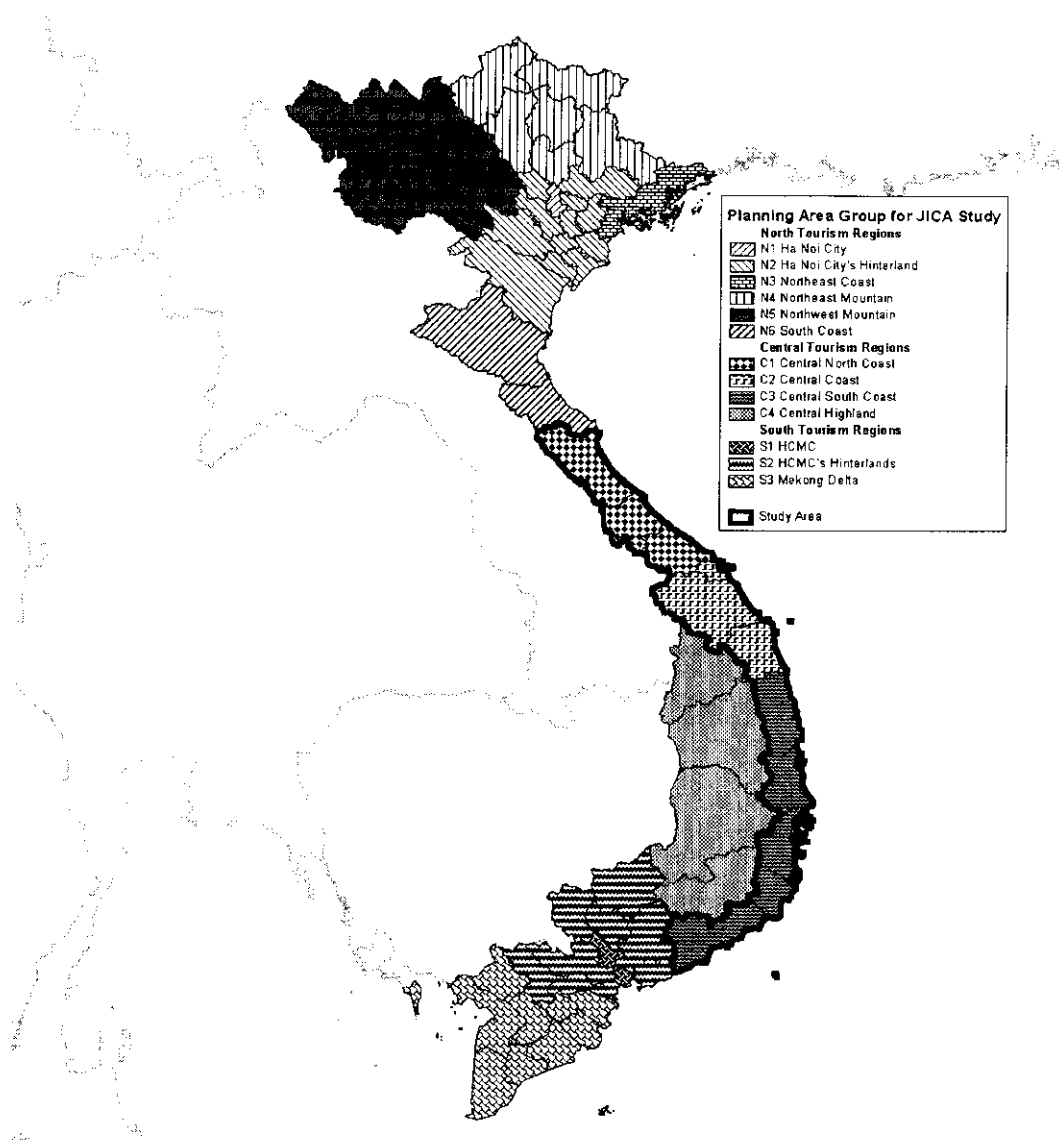
Quy hoạch tổng thể do TCDL (VNAT) lập			Đoàn nghiên cứu JICA	
Khu du lịch	Phân khu du lịch	Tiểu khu du lịch	Vùng du lịch	Khu du lịch
1 Bắc bộ		1.1 Vùng trung tâm	1 Miền Bắc	N1 Hà Nội
		1.2 Duyên hải phía bắc		N2 Ngoại vi Hà Nội
		1.3 Vùng núi đông bắc		N3 Duyên hải bắc Bắc bộ
		1.4 Vùng núi tây bắc		N4 Vùng núi đông bắc
		1.5 Vùng nam Bắc bộ		N5 Vùng núi tây bắc
2 Bắc Trung bộ		2.1 Phần phía bắc	2 Miền Trung	N6 Duyên hải nam Bắc bộ
		2.2 Phần phía nam		C1 Duyên hải bắc Trung bộ
3 Nam Trung bộ và Nam bộ	3.1 Nam Trung bộ	3.1.1 Duyên hải		C2 Duyên hải trung tâm
		3.1.2 Cao nguyên		C3 Duyên hải nam Trung bộ
	3.2 Nam bộ	3.2.1 Đông Nam bộ		C4 Cao nguyên
		3.2.2 Tây Nam bộ		3 Miền Nam
				S1 TP Hồ Chí Minh
				S2 Ngoại vi TP HCM
				S3 Đồng bằng sông C.Long

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

1.2.2 Khí hậu

Do địa hình trải dài tiếp giáp với Biển Đông, khu vực miền Trung có một khí hậu đặc biệt đa dạng. Khí hậu của khu vực này bị ảnh hưởng của hai loại gió mùa.

Hình 1.1 Vùng nghiên cứu



Gió mùa đông đến từ phía đông bắc vào khoảng tháng 10 đến tháng 3 năm sau mang theo giá lạnh ẩm ướt cho hầu hết các địa phương phía bắc tỉnh Khánh Hoà, nhưng lại khô và nóng đối với phía nam. Mặt khác, gió mùa tây nam đem đến thời tiết nóng ẩm cho khu vực này từ tháng 4 đến tháng 10.

Phần phía bắc khu vực miền Trung cũng có mưa lớn đôi khi gây ra lũ lụt nghiêm trọng do sự thay đổi khí hậu của cả nước và điều kiện địa hình với nhiều dốc núi. Khu vực này cũng phải hứng chịu những cơn bão lớn với sức tàn phá ghê gớm và khó lường vào khoảng tháng 6 đến tháng 10, 11 đặc biệt là ở phần phía bắc của khu vực thuộc tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị.

Điều kiện khí hậu và những hạn chế của nó có thể tổng hợp như sau:

Bảng 1.2 Những hạn chế về khí hậu theo tháng của một số địa phương chủ yếu

Điều kiện khí tượng	Địa phương	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Tần suất bão *1	TT Huế												
	Đà Nẵng												
	Bình Định												
	Khánh Hoà												
Số ngày nắng TB *2	TT Huế												
	Đà Nẵng												
	Bình Định												
	Khánh Hoà												
Lượng mưa trung bình *3	TT Huế												
	Đà Nẵng												
	Bình Định												
	Khánh Hoà												

Ghi chú: *1/Danh giá bão theo số liệu ghi lại từ 1954-91, Hiếm, Thỉnh thoảng, Thường xuyên
 : *2/Số ngày nắng trung bình theo tháng, dưới 5 ngày, 5 - 10 ngày, từ 10 ngày
 : *3/Lượng mưa trung bình theo tháng, dưới 50 mm, 50 - 300, trên 300 mm

Nguồn: Tập số liệu điều kiện môi trường của Việt Nam 2000, Chiến lược và chương trình hành động giảm thiểu thiên tai thủy ở Việt Nam 1994/ Bộ Thủy lợi, UNDP, UNDHA

Do khí hậu gió mùa, các hoạt động du lịch bị hạn chế vào mùa mưa. Nhìn chung, ba tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận là phù hợp để phát triển du lịch dạng khu nghỉ dưỡng biển.

1.2.3 Lịch sử

Hình 1.3 trình bày về quá trình lịch sử của Vùng nghiên cứu.

Vùng nghiên cứu có lịch sử và một nền văn hoá lâu đời với nhiều nhóm dân tộc khác nhau bao gồm cả người Champa. Đặc biệt người Champa có một nền văn hoá giàu bản sắc và có các hoạt động kinh tế rất phong phú từ thế kỷ thứ hai đến thế kỷ thứ mười hai.

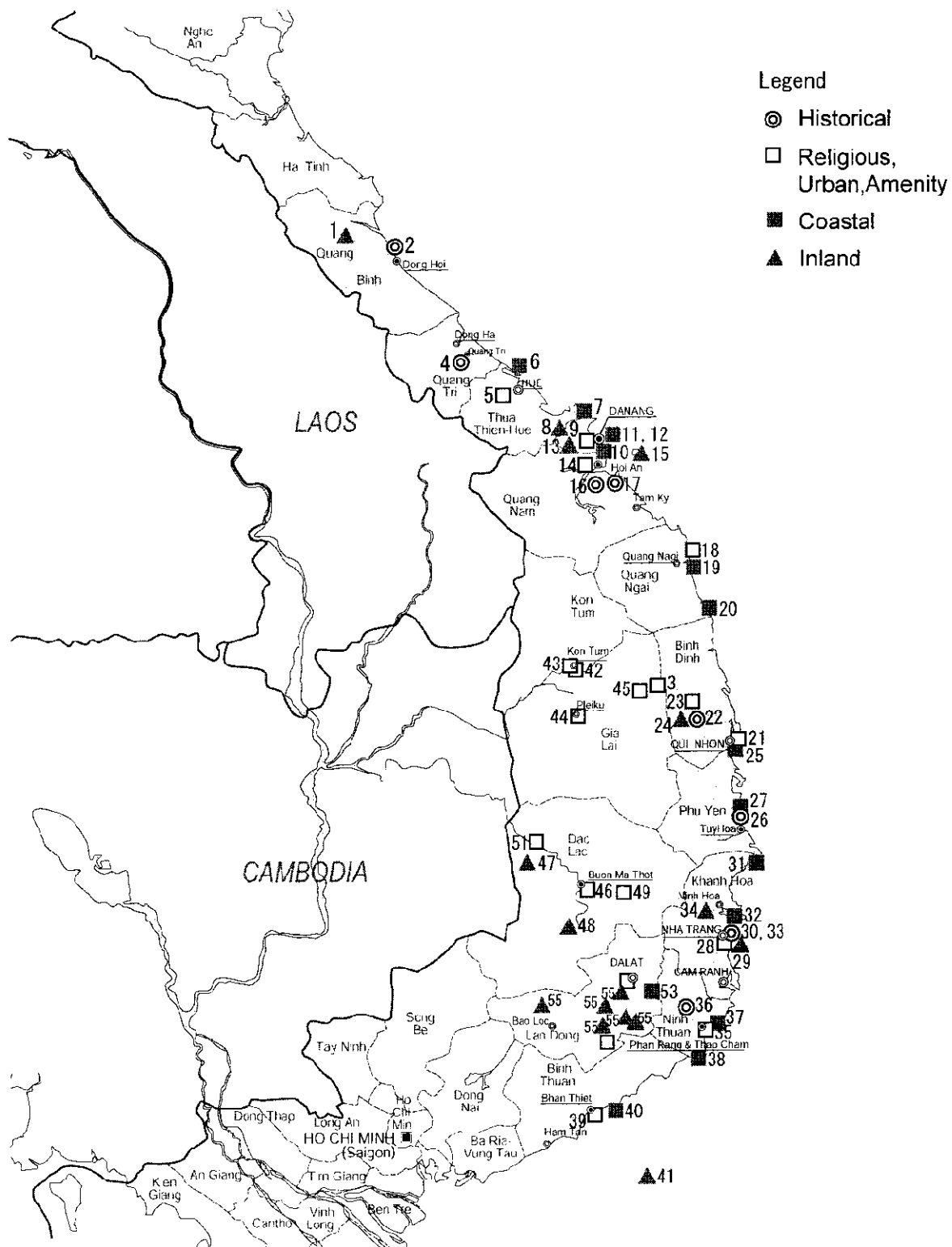
Do có lịch sử lâu đời như trên, Vùng nghiên cứu có được một lượng di tích lịch sử và văn hoá vô cùng đa dạng và chúng là những tài nguyên du lịch chính trong Vùng nghiên cứu. Hiện có ba di sản văn hoá thế giới ở đây là:

- Khu di tích Cố đô Huế
- Thánh địa Mỹ Sơn
- Phố cổ Hội An

1.2.4 Tài nguyên du lịch trong Vùng nghiên cứu

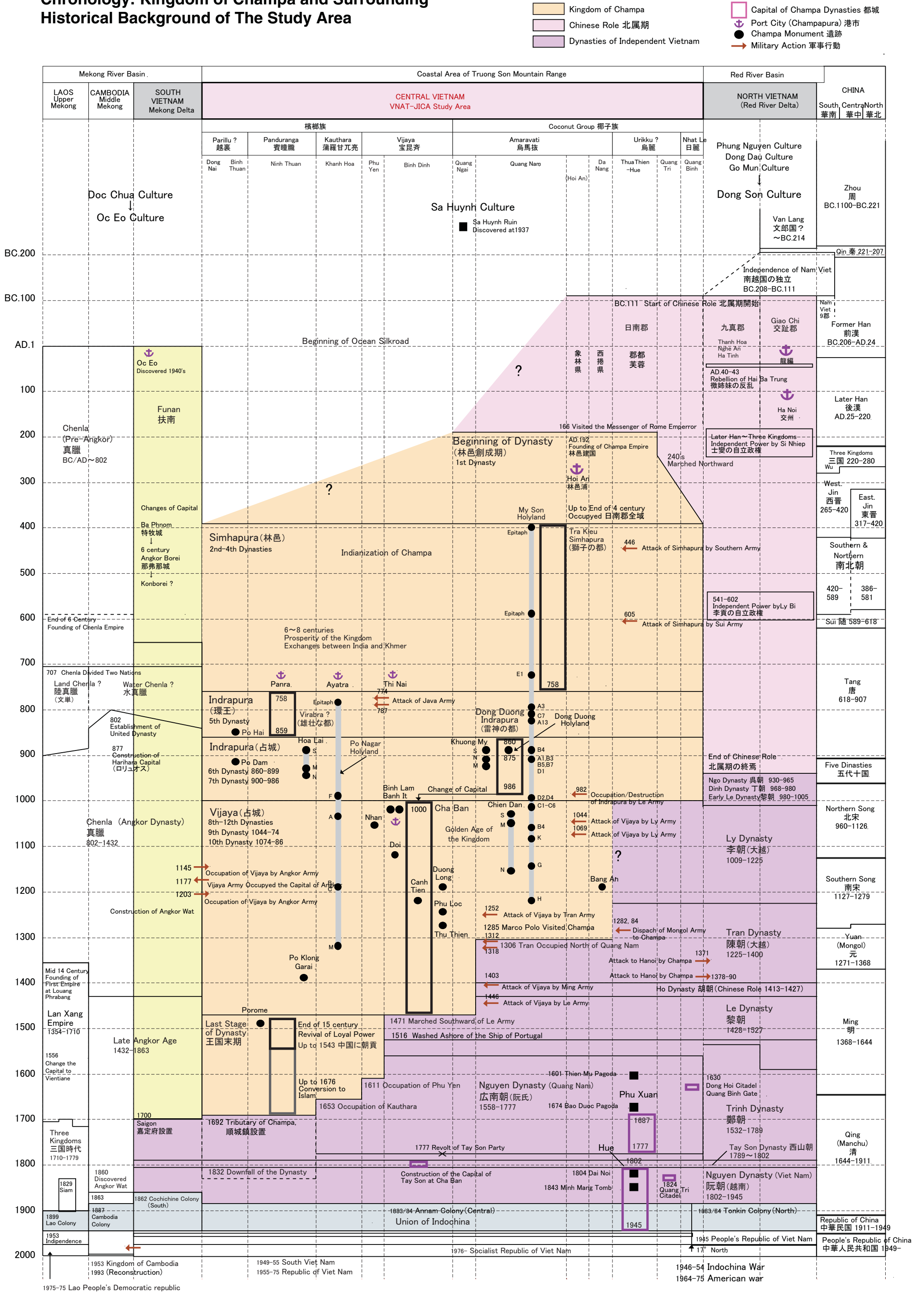
Căn cứ vào thống kê tài nguyên du lịch, những tài nguyên du lịch tiềm năng được xác định như trong hình 1.2.

Hình 1.2 Những tài nguyên du lịch tiềm năng ở khu vực miền Trung



Chronology: Kingdom of Champa and Surrounding Historical Background of The Study Area

Hình 1.3 Quá trình lịch sử của Vùng nghiên cứu



1.3 Du lịch ở Tiểu vùng sông Mekong mở rộng

1.3.1 Thị trường du lịch ở Tiểu vùng sông Mekong mở rộng

Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) bao gồm Campuchia, tỉnh Vân Nam nước CHND Trung Hoa, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam. Thế giới đang kỳ vọng khu vực này sẽ có tốc độ phát triển kinh tế và xoá đói giảm nghèo nhanh chóng sau một thời gian dài chiến tranh.

Từ năm 1992, chương trình hợp tác kinh tế GMS đã được tiến hành với sự hỗ trợ của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Và để đảm bảo tiến hành có hiệu quả các chương trình và dự án, sáu quốc gia đã thiết lập các diễn đàn và nhóm công tác. Du lịch đã được coi là động lực tăng trưởng kinh tế của GMS, theo đó Nhóm công tác về Du lịch đã được thành lập với sự hỗ trợ của ADB, Ủy ban kinh tế - xã hội châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) và Hiệp hội Lữ hành châu Á Thái Bình Dương (PATA).

Bảng 1.3 trình bày lượng khách quốc tế đến GMS theo năm do Đoàn nghiên cứu JICA lập. Theo bảng này, lượng khách quốc tế đến GMS trừ tỉnh Vân Nam là 9 triệu vào năm 1995. Năm 2020, theo Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO) con số đó ước đạt 55 triệu, gấp sáu lần. Thị phần so với thế giới sẽ tăng từ 1,6% năm 1995 lên 3,5%, và thị phần so với khu vực châu Á Thái Bình Dương sẽ tăng từ 11,1% năm 1995 lên 13,9% năm 2020.

Bảng 1.3 Dự báo lượng khách quốc tế đến GMS

	Đơn vị	1995	2000	2010	2020
Lượng khách quốc tế đến GMS	triệu người	9	13	27	55
Tỷ trọng trong thị phần thế giới	phần trăm	1,6	1,9	2,7	3,5
Tỷ trọng trong thị phần CA-TBD	phần trăm	11,1	13,9	13,7	13,9

Chú thích: Con số in nghiêng là do Đoàn nghiên cứu JICA tính toán
Nguồn: Du lịch tầm nhìn 2020 do WTO xuất bản năm 1999

1.3.2 Hợp tác và cạnh tranh ở GMS

Phát triển Du lịch ở GMS sẽ hỗ trợ phát triển du lịch Việt Nam nhưng đồng thời cũng gia tăng tính cạnh tranh giữa các nước GMS. Bởi vì một số nước đã được coi là Du lịch phát triển, và một số tài nguyên du lịch như khu nghỉ dưỡng biển hay dân tộc thiểu số ở Việt Nam sẽ có quan hệ cạnh tranh với các tài nguyên tương tự ở các nước khác

Những vấn đề sau kết luận từ các cuộc tiếp xúc với các cơ quan nhà nước và các công ty du lịch, lữ hành về hợp tác và cạnh tranh giữa các nước GMS.

Hợp tác của Chính phủ Việt Nam về Du lịch ở GMS

Hợp tác của Chính phủ Việt Nam về Du lịch ở GMS là rất hạn chế. Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT) đã không gửi cán bộ tham dự các cuộc họp nhóm công tác về du lịch (các cán bộ của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Ngoại giao đã tham dự), và hợp tác song phương về phát triển du lịch và xúc tiến quảng bá du lịch giữa Thái Lan và Việt Nam cũng không tích cực như hợp tác giữa Thái Lan và Lào, hay giữa Thái Lan và Myanmar.

Phát triển du lịch của Thái Lan

Du lịch Thái Lan, nơi tiếp nhận tới 77 phần trăm du khách quốc tế đến GMS, đang hình thành mạng lưới bắc-nam qua Bangkok, Ayuthaya, Sukhothai, Chiang Mai, và Chiang Rai, và sẽ mở rộng đến tỉnh Vân Nam và Myanmar. Bangkok đã đóng vai trò là cửa ngõ của Vân Nam và Myanmar.

Yếu kém của Du lịch Việt Nam

Hầu hết các bãi biển ở Việt Nam đều có mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau khi mà thị trường châu Âu vào mùa cao điểm. Và hơn nữa số lượng các khách sạn mà khách quốc tế có thể lưu trú là rất hạn chế, đặc biệt là trong Vùng nghiên cứu.

Năm mươi phần trăm du khách quốc tế thị trường xa đến Việt Nam thường đi xuyên từ bắc vào nam hoặc từ nam ra bắc, và ở lại ít nhất là một tuần. Số du khách đến thăm Việt Nam và nước khác cùng lúc là không đáng kể.

Hành lang Đông - Tây là sản phẩm du lịch

Phát triển Hành lang Đông - Tây là sự hợp tác triển vọng nhất trong GMS cho đến nay. Công tác phát triển và nâng cấp cầu đường vẫn đang tiếp tục, và từ nay cần phát triển kinh tế - xã hội khu vực. VNAT rất quan tâm đến việc phát triển du lịch dọc hành lang Đông - Tây, nhưng phát triển du lịch cho thị trường nước ngoài khá khó khăn do một số điểm sau.

Thứ nhất là sự hạn chế tài nguyên du lịch ở vùng đông bắc Thái Lan và trung Lào. Thứ hai là việc cấp thị thực, và thiếu các điểm kiểm soát hộ chiếu.

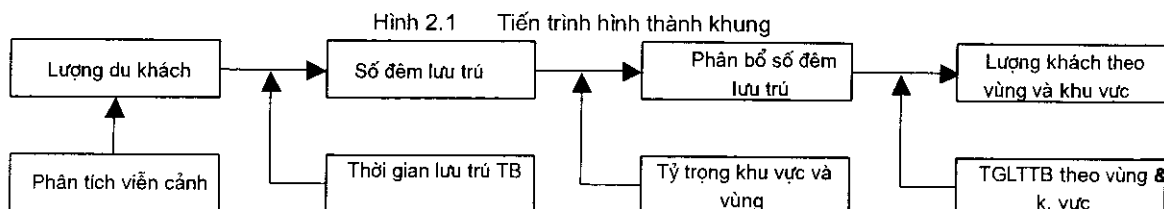
Về cơ bản, Hành lang Đông - Tây sẽ được sử dụng như là kênh phân phối vật chất. Do vậy, hàng hoá và vật liệu sẽ đóng vai trò tích cực tại Hành lang này khi mạng lưới đường bộ được nâng cấp cùng với sự phát triển của khu vực. Hoạt động du lịch phục vụ việc kinh doanh thương mại này cũng theo đó phát triển.

Một tiềm năng khác trong Hành lang Đông - Tây là du lịch phục vụ người dân trong GMS. Hành lang Đông - Tây sẽ liên kết các quốc gia Việt Nam, Lào, Thái Lan và Myanmar. Việt Nam đã ký hiệp định miễn thị thực nhập cảnh song phương với Thái Lan. Việc mở rộng hiệp định như vậy với các nước khác, và việc xem xét hộ chiếu thuận lợi ở các điểm kiểm soát hộ chiếu là rất cần thiết nếu các nước trong GMS mong muốn tự phát triển du lịch tại khu vực cho mình. Trao đổi nhân sự, ý kiến ở các cấp chính quyền địa phương cũng rất cần thiết. Sự đồng thuận của các thành phố lớn sẽ là bước khởi đầu của quá trình trao đổi này.

2. Khung phát triển Du lịch

2.1 Khung phát triển du lịch ở Việt Nam

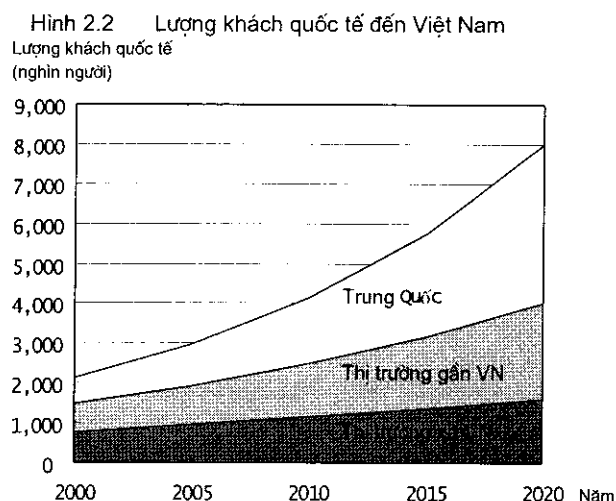
Khung phát triển du lịch cho cả Việt Nam và Vùng nghiên cứu, cần được xác lập. Đoàn nghiên cứu JICA đã sử dụng phương pháp như trình bày trong hình 2.1



Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

2.1.1 Lượng khách quốc tế đến

Hình 2.2 và Bảng 2.1 trình bày dự báo lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Tổng số khách quốc tế đến Việt Nam sẽ là 4,2 triệu người vào năm 2010 và 8,0 triệu vào năm 2020. Lượng khách tăng gấp đôi trong mười năm, và bốn lần trong 20 năm.



Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

Bảng 2.1 Lượng khách quốc tế vào Việt Nam đến năm 2020

(Đơn vị: phần trăm)

	2000	2005	2010	2020
Lượng khách quốc tế đến (nghìn người)	2.140	2.980	4.150	8.000
Tỷ trọng so với thế giới	0,3	0,4	0,4	0,5
Tỷ trọng so với Châu Á - Thái Bình Dương	2,3	2,2	2,1	2,0

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

Bảng 2.1 cho thấy tỷ trọng khách quốc tế vào Việt Nam so với thế giới sẽ tăng từ

0,3 phần trăm vào năm 2000 đến 0,5 phần trăm vào năm 2020.

2.1.2 Gia tăng khách du lịch nội địa

Đoàn nghiên cứu JICA ước tính lượng khách du lịch nội địa là khoảng 10 triệu lượt người vào năm 2000 căn cứ vào các con số thống kê của Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT)¹ và Tổng cục Thống kê (GSO),¹ và sẽ tăng lên đến 50 triệu lượt vào năm 2020 với mức gia tăng trung bình hàng năm là 8,4 phần trăm.

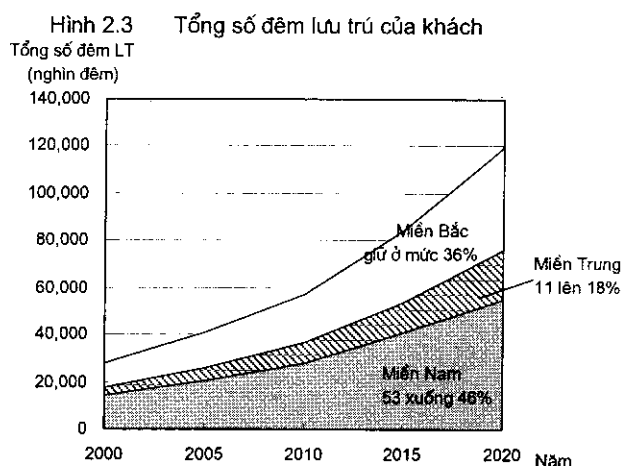
Bảng 2.2 Gia tăng lượng khách nội địa ở Việt Nam

	2000	2005	2010	2020
Lượng khách nội địa (nghìn người)	10,000	15,000	22,000	50,000
Tỷ trọng so với dân số (%)	13,0	18,3	25,5	52,2

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

2.1.3 Tổng số đêm lưu trú của khách

Hình 2.3 trình bày tổng số đêm lưu trú. Được ước tính là 28 triệu năm 2000, và sẽ tăng hơn bốn lần là khoảng 120 triệu vào năm 2020.



2.1.4 Tổng thu nhập du lịch và đóng góp cho GDP

Hàng thứ ba của Bảng 2.3 là tổng của thu nhập du lịch từ khách quốc tế và nội địa. Con số này sẽ tăng gấp đôi trong mười năm từ 21 tỷ đồng lên 43 tỷ đồng.

Bảng 2.3 Thu nhập du lịch và giá trị gia tăng từ du lịch

	Đơn vị	2000	2005	2010
Thu nhập du lịch từ khách quốc tế	triệu USD	803	1.150	1.647
Thu nhập du lịch từ khách nội địa	tỷ đồng	8.925	13.388	18.480
Tổng thu nhập du lịch	tỷ đồng	20.963	30.634	43.185
Giá trị gia tăng từ du lịch	tỷ đồng	48.214	70.458	99.326
Tỷ trọng trong GDP*	%	10,9	11,1	11,2
Thu thuế từ du lịch	tỷ đồng	7.232	10.569	14.899

Ghi chú: Dự báo GDP theo "Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2010"

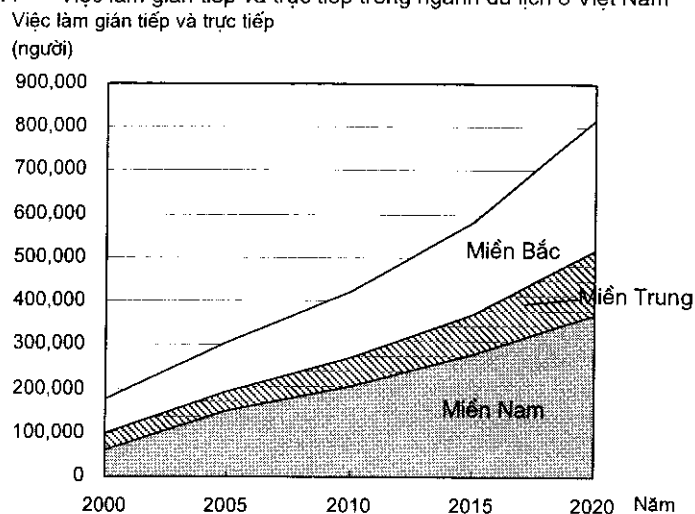
Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

¹ Theo con số thống kê của VNAT, lượng khách nội địa là 11,2 triệu lượt người vào năm 2000. Trong khi con số biểu thị tổng số đêm khách nội địa của GSO chỉ là 7 triệu lượt người.

2.1.5 Việc làm trong ngành du lịch ở Việt Nam

Hình 2.4 trình bày việc làm gián tiếp và trực tiếp trong ngành du lịch đến năm 2020. Tổng số việc làm toàn quốc sẽ là 800 nghìn vào năm 2020. Việc làm gián tiếp và trực tiếp ở khu vực miền Trung sẽ là 150 nghìn tại thời điểm đó. Số dân ở độ tuổi lao động sẽ tăng từ 0,4 đến 13 phần trăm.

Hình 2.4 Việc làm gián tiếp và trực tiếp trong ngành du lịch ở Việt Nam



Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

2.2 Khung phát triển Du lịch cho Vùng nghiên cứu

Khung phát triển du lịch được trình bày trong Bảng 2.4.

Bảng 2.4 Khung phát triển Du lịch

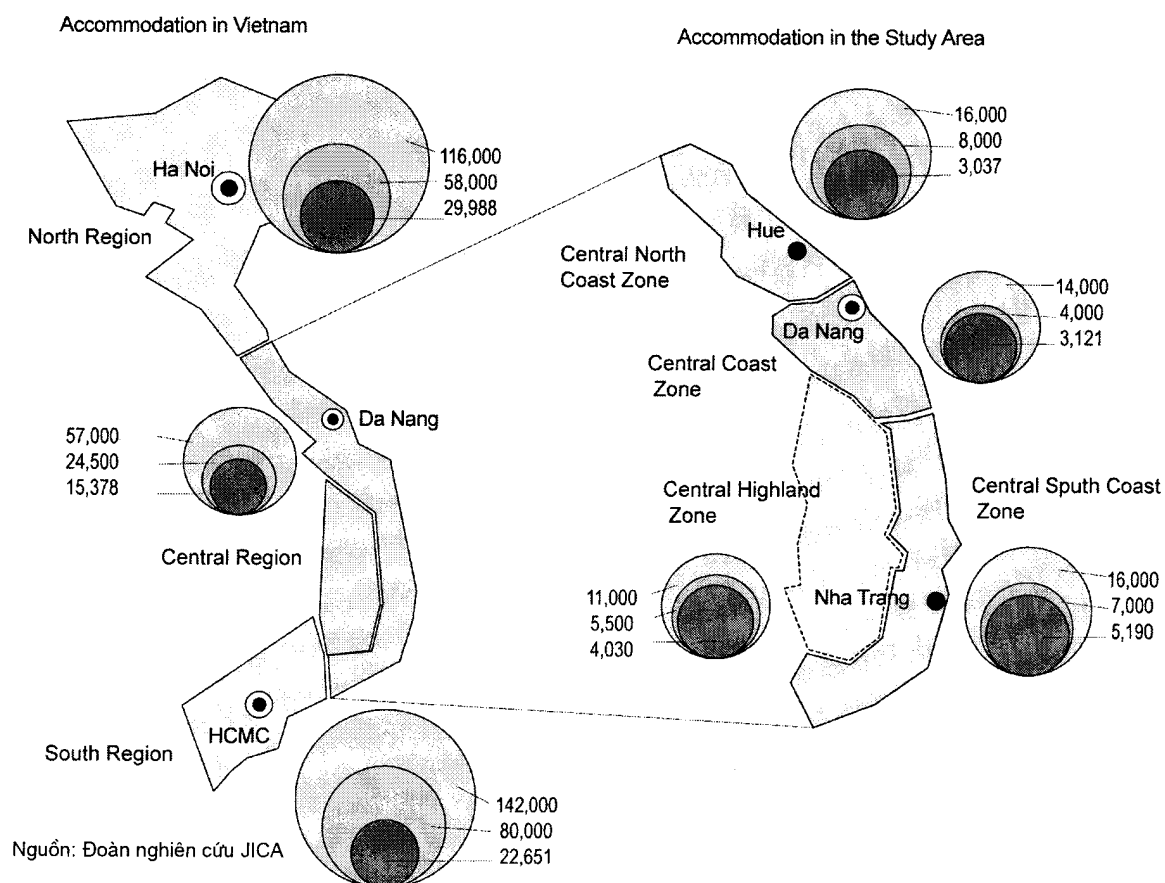
Khung Vùng nghiên cứu	Đơn vị	2000	2005	2010	2020
Lượng khách quốc tế	nghìn người	531	1.010	1.399	3.210
Lượng khách nội địa	nghìn người	807	1.438	2.276	6.191
Tổng lượng khách	nghìn người	1.337	2.448	3.676	9.401
Tổng số đêm lưu trú	nghìn đêm	2.424	4.468	6.774	17.781
Tổng doanh thu du lịch	tỷ đồng	1.911	3.588	5.361	NA
Giá trị gia tăng từ du lịch	tỷ đồng	4.396	8.258	12.329	NA
Tỷ trọng trong GRDP	%	11	14.4	15.4	NA
Tỷ trọng trong GTGT ở VN	%	9,1	11.7	12.4	NA
Thuế	tỷ đồng	521	988	1.465	NA

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

2.2.1 Khung phát triển cơ sở lưu trú vùng

Khung cơ sở lưu trú vùng cho Vùng nghiên cứu theo khu vực du lịch được lập căn cứ vào khung phân bố số đêm lưu trú theo khu vực du lịch.

Hình 2.5 Khung phân bố cơ sở lưu trú vào năm 2020



2.2.2 Việc làm Du lịch trong Vùng nghiên cứu

Việc làm gián tiếp và trực tiếp trong Vùng nghiên cứu đến năm 2020 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.5 Việc làm du lịch trong Vùng nghiên cứu

Việc làm trong Vùng nghiên cứu	Đơn vị	2000	2005	2010	2020
Việc làm trực tiếp	nghìn người	12	15	21	50
Việc làm gián tiếp	nghìn người	17	22	29	70
Tổng việc làm	nghìn người	30	37	49	120

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

2.2.3 Thiết lập không gian và phát triển sản phẩm

Định hướng phát triển sản phẩm

Nhìn chung, các sản phẩm du lịch được hiểu là các tour du lịch trọn gói. Các sản phẩm du lịch hay tour du lịch trọn gói cơ bản bao gồm giao thông, lưu trú và dịch vụ du khách như ăn uống, giải khát, mua sắm và giải trí.

Bảng sau đây trình bày về định hướng phát triển các sản phẩm cùng tiềm năng của Vùng nghiên cứu. Các tài nguyên du lịch và khí hậu cũng như ba yếu tố đã trình bày ở trên cũng được đưa vào để xem xét định hướng.

Trong khu vực miền Trung, các tour du lịch văn hoá và lịch sử chiếm đa số và một số tour thay thế khác kèm theo. Một số điểm ở khu vực C3 phù hợp với loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển cho du khách quốc tế.

Bảng 2.6 Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

Vùng	Địa phương	Khí hậu	Tài nguyên du lịch		Tiếp cận	Dịch vụ	Khu du lịch (Cơ sở lưu trú) Quy mô và định hướng phát triển
		lượng mưa	Tự nhiên	Văn hoá	Sân bay	Thành phố	
C-1	Quảng Bình	—	■	—	—	—	Phát triển sản phẩm và khu du lịch định hướng thị trường nội địa
	Quảng Trị	—	—	□	—	—	
	T.T.Huế	—	□	■	■	■	Phát triển sản phẩm và khu du lịch quốc tế
C-2	Đà Nẵng	□	□	□	■	■	
	Quảng Nam	□	—	■	—	□	Phát triển sản phẩm và khu du lịch định hướng thị trường nội địa
C-3	Quảng Ngãi	□	—	□	—	—	
	Bình Định	□	—	■	—	□	Phát triển khu du lịch quốc tế
	Phú Yên	□	—	□	—	—	
	Khánh Hoà	■	□	—	□	□	Phát triển khu nghỉ biển
	Ninh Thuận	■	□	□	—	—	
	Bình Thuận	■	—	□	—	—	

Chú thích:

- Rất tốt (Tốt cho phát triển sản phẩm du lịch quốc tế)
- Tốt (Có tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch quốc tế)
- Trung bình (Du lịch nội địa với một chút du khách quốc tế)

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

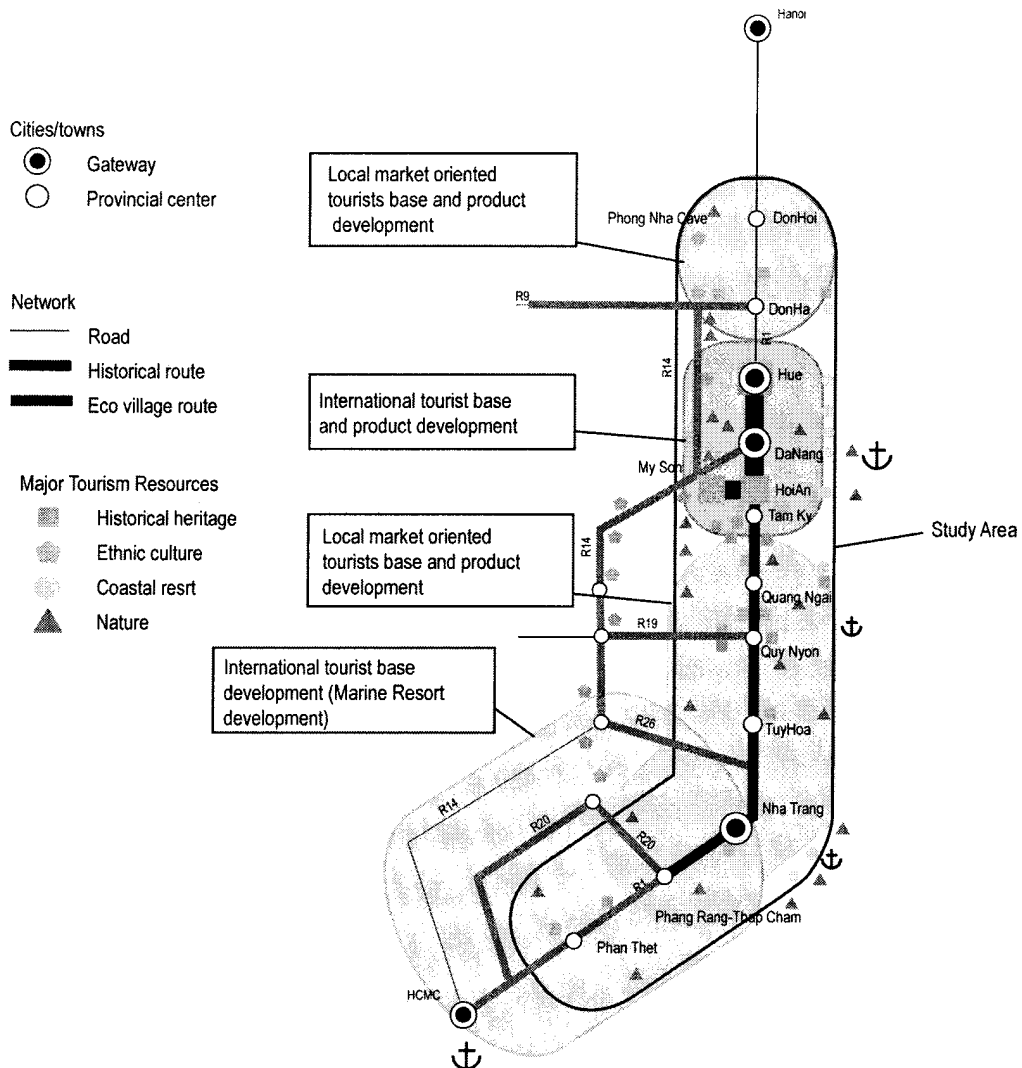
Đối với việc phát triển sản phẩm du lịch, việc sử dụng các tài nguyên du lịch đồng thời bảo tồn và phục hồi là cần thiết. Phát triển đồng bộ và thống nhất giữa các cơ quan liên quan là không thể thiếu.

Thiết lập không gian

Cùng với định hướng phát triển sản phẩm du lịch, thiết lập không gian cũng cần được xem xét. Thiết lập không gian trình bày vai trò của các trung tâm thành phố, tỉnh lỵ, hình thành mạng lưới, định hướng phát triển sản phẩm du lịch và khu du lịch.

Hình 2.6 minh hoạ việc thiết lập không gian Vùng Du lịch miền Trung vào năm 2020.

Hình 2.6 Thiết lập cấu trúc không gian cho khu vực du lịch miền Trung



Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

3. Các vấn đề

Vấn đề phát triển du lịch được xem xét trên các điểm sau: (1) Phát triển thể chế, (2) Phát triển nguồn nhân lực, (3) Phát triển tiện nghi, và (4) Quản lý tài nguyên.

3.1 Phát triển thể chế

Những vấn đề chính trong phát triển thể chế, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển du lịch Việt Nam và khu vực miền Trung là xúc tiến và quảng bá thị trường cùng với việc cung cấp thông tin du lịch, phối hợp và thống nhất giữa chính quyền trung ương với chính quyền các địa phương cũng như giữa chính quyền các địa phương với nhau trong sự nghiệp phát triển du lịch.

3.1.1 Xúc tiến và quảng bá thị trường

Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT) với tư cách là một cơ quan Trung ương chịu trách nhiệm xúc tiến và quảng bá Việt Nam như là một điểm đến du lịch ở các thị trường nguồn. Tuy nhiên, nhiệm vụ xúc tiến và quảng bá còn rất hạn chế và chủ yếu tập trung vào quản trị du lịch. Các nguyên nhân chính là:

- Sự e dè trong các hoạt động xúc tiến và quảng bá
- Thiếu văn phòng chi nhánh tại các thị trường nguồn chủ chốt
- Thiếu các trung tâm thông tin du lịch (TIC)

3.1.2 Phối hợp và thống nhất trong quản trị du lịch

Cần lưu ý rằng việc xây dựng các cơ quan phát triển thích hợp phải tùy theo đặc điểm của từng địa phương cụ thể cho dù nơi đó là khu đô thị, nông thôn hay vùng sâu vùng xa và phụ thuộc vào đặc điểm của từng dự án liên quan đến khả năng của chính quyền các cấp hay khối tư nhân.

Căn cứ vào Pháp lệnh về Du lịch, các tỉnh (thành phố) có nhiệm vụ quản lý hành chính như sau:

- quyết định tiến hành phát triển du lịch
- quản lý các tài nguyên du lịch, và
- giám sát các hoạt động du lịch bao gồm cả tác động xã hội và kinh doanh

Theo đó, các cơ quan tiến hành sẽ chủ yếu là chính quyền các tỉnh thành, bao gồm cả trường hợp liên kết với khối tư nhân. Mặt khác, các bộ ngành trung ương (không chỉ riêng VNAT) cần đóng vai trò giám sát. Cụ thể hơn, các bộ ngành trung ương cần lập ra các tiêu chuẩn về thành lập, hoạt động và thanh tra để bảo tồn các tài sản quốc gia và quốc tế nhằm đạt được sự phát triển du lịch bền vững.

3.2 Phát triển nguồn nhân lực

Để hệ thống nguồn nhân lực được mở rộng và phát triển đáp ứng các yêu cầu của ngành du lịch, cần giải quyết các vấn đề sau:

- Cải thiện công tác quản trị và giám sát hệ thống nhằm cho phép tất cả các ngành tiếp cận được thông tin về khả năng đào tạo sẵn có và phát triển đào tạo.
- Cải thiện hoạt động hệ thống đào tạo (Thị trường đào tạo chỉ có thể hỗ trợ việc cung cấp đào tạo tại chỗ nếu các nhà cung cấp đào tạo hiểu rõ loại

hình đào tạo mà ngành yêu cầu)

- Các tiêu chuẩn nghề nghiệp và uy tín đào tạo là những đòi hỏi cấp bách cho một hệ thống phân loại quốc gia trình độ kỹ năng cho tất cả các ngành nghề du lịch.
- Cần tăng cường khả năng đào tạo, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu của khu vực miền Trung.
- Nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp qui mô vừa và nhỏ phải được đưa ra theo một mô hình phản ánh được tất cả cả tình huống của nhà điều hành kinh doanh nhỏ.
- Cần có mối liên kết giữa ngành du lịch và hệ thống giáo dục phổ thông nhằm đạt được các mục tiêu xúc tiến và bảo vệ tài nguyên du lịch quốc gia.

3.3 Phát triển tiện nghi

Phát triển tiện nghi và sản phẩm du lịch có liên quan chặt chẽ với nhau.

Để thu hút khách du lịch quốc tế đến miền Trung, cần đa dạng hoá và nâng cấp các sản phẩm du lịch. Cần mở rộng công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để thu hút du khách thị trường gần và Trung Quốc. Đối với lượng du khách từ thị trường xa, cần thiết phải phát triển các sản phẩm mới hấp dẫn tận dụng các tài nguyên du lịch của miền Trung.

Để đa dạng hoá và tăng cường sản phẩm du lịch, cần mở rộng và nâng cấp mọi thành phần như sau:

- Cải thiện hệ thống giao thông để sử dụng có hiệu quả những tài nguyên du lịch tiềm năng hiện có,
- Phát triển và nâng cấp cơ sở lưu trú chất lượng cao cho du khách quốc tế,
- Cải thiện và phát triển các tiện nghi dịch vụ để đáp ứng các nhu cầu của du khách và đảm bảo các chuyến lữ hành an toàn và thoải mái.

3.3.1 Giao thông

Những vấn đề sau cần được cải thiện:

- Khả năng tiếp cận vùng, đặc biệt là đường hàng không đến các cửa ngõ,
- Khả năng tiếp cận và hội nhập tại địa phương, bao gồm cả các tiện ích cho du khách dọc hai bên đường.

3.3.2 Cơ sở lưu trú

Dưới đây là các vấn đề chính cần giải quyết để rút ngắn khoảng cách giữa khu vực miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh

- Ưu tiên tăng cường việc cung ứng cơ sở lưu trú tiêu chuẩn cao và trung bình
- Nâng cấp quỹ khách sạn chưa được xếp hạng hiện có
- Tăng cường việc cung ứng cơ sở lưu trú công cộng để thúc đẩy giới trẻ và du lịch gia đình đối với lĩnh vực du lịch nội địa
- Tiêu chuẩn hóa các tiện nghi lưu trú (sao/ hạng)
- Đa dạng hoá các loại hình lưu trú (đô thị, bờ biển, nông thôn, miền núi, và bãi cắm trại vui chơi giải trí)
- Cải thiện dịch vụ đón khách theo tiêu chuẩn nhất định cho đội ngũ được

đào tạo

- Những nỗ lực quảng bá không ngừng và hệ thống hậu cần ổn định
- Phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cấp dịch vụ khách sạn
- Tận dụng được công nghệ thông tin tiên tiến cho công tác quản lý điều hành

3.3.3 Các tiện nghi dịch vụ

Để cải thiện tiện nghi du lịch cần giải quyết các vấn đề sau:

- Phát triển dịch vụ thông tin du lịch
- Hỗ trợ các trang thiết bị để tăng cường sự hấp dẫn của các tài nguyên du lịch và nâng cấp sản phẩm du lịch
- Phát triển sản phẩm du lịch mới như bến du thuyền và bảo tàng
- Đa dạng hóa các nhà hàng quốc tế để khách hàng chọn lựa
- Phát triển các tiện nghi trưng bày giới thiệu tại điểm du lịch lịch sử
- Phát triển dịch vụ và các tiện nghi vui chơi giải trí cho loại hình du lịch lựa chọn

3.4 Quản lý tài nguyên du lịch

Các hoạt động sau đây bao gồm (1) Quản lý và bảo tồn tài nguyên tự nhiên, (2) Quản lý và bảo tồn tài nguyên lịch sử và văn hoá, (3) Phát triển nông thôn (du lịch làng quê hay du lịch sinh thái), và bảo tồn môi trường xã hội, và (4) Bảo vệ môi trường và cải thiện tiện nghi đô thị.

Bảo vệ và bảo tồn tự nhiên tránh xuống cấp là điều kiện mấu chốt để phát triển bền vững không chỉ cho phát triển du lịch mà còn cho mọi dạng phát triển kinh tế xã hội.

Các tài nguyên du lịch được quản lý bởi các ngành chức năng khác nhau như Rừng quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các di tích lịch sử thuộc Bộ Văn hoá Thông tin cần được phối hợp để xúc tiến phát triển du lịch.

3.4.1 Quản lý và bảo tồn tài nguyên tự nhiên

Gìn giữ môi trường tự nhiên là cơ sở tất yếu cho việc phát triển du lịch đứng trên các quan điểm dưới đây:

(1) Các điều kiện tự nhiên là cơ sở cho phát triển du lịch

Điều kiện tự nhiên sẵn có quyết định những trận lũ vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô, suy thoái rừng và xói mòn đất.

(2) Tác động môi trường do phát triển du lịch

Phát triển du lịch bao gồm cả các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường và làm giảm giá trị tài nguyên du lịch. Phát triển tiện nghi trong vùng nghiên cứu cần xem xét công tác quản lý du khách ở các rừng quốc gia và quản lý môi trường bờ biển.

(3) Các vấn đề khác

Hiệu ứng nhà kính và đa dạng sinh học cũng cần được xem xét trong việc phát triển du lịch.

3.4.2 Quản lý và bảo tồn tài nguyên lịch sử và văn hoá

Bảo tồn và khôi phục tài nguyên lịch sử và văn hoá cũng như sử dụng cho mục đích du lịch sẽ tạo nên những điểm đến hấp dẫn cho du khách.

(1) Quản lý du khách và bảo vệ di sản lịch sử

Hiện có ba Di sản Văn hoá Thế giới và hàng ngàn di tích lịch sử ở khu vực miền Trung, và cần được bảo vệ tránh phát triển không có quy hoạch và quá tải du khách. Cần kiểm soát và hướng dẫn dòng du khách. Đồng thời tăng cường giáo dục nhận thức cho người dân.

(2) Sử dụng di sản và phối hợp với Bộ Văn hoá Thông tin

Cần phối hợp với Bộ Văn hoá Thông tin để xúc tiến phát triển du lịch về mặt sử dụng tài nguyên văn hoá lịch sử cho du lịch. Bộ Văn hoá Thông tin cần tiến hành xây dựng hoặc phối hợp chặt chẽ với UBND các địa phương để xây dựng các nhà bảo tàng.

(3) Kết hợp với phát triển đô thị

Tại cố đô Huế và phố cổ Hội An, việc phát triển đô thị sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các giá trị văn hoá và lịch sử nên cần có sự phối hợp đồng bộ với quy hoạch và thiết kế các tiện nghi, cũng như quản lý đô thị và bảo tồn các tài nguyên lịch sử văn hoá.

3.4.3 Bảo tồn môi trường xã hội và phát triển nông thôn

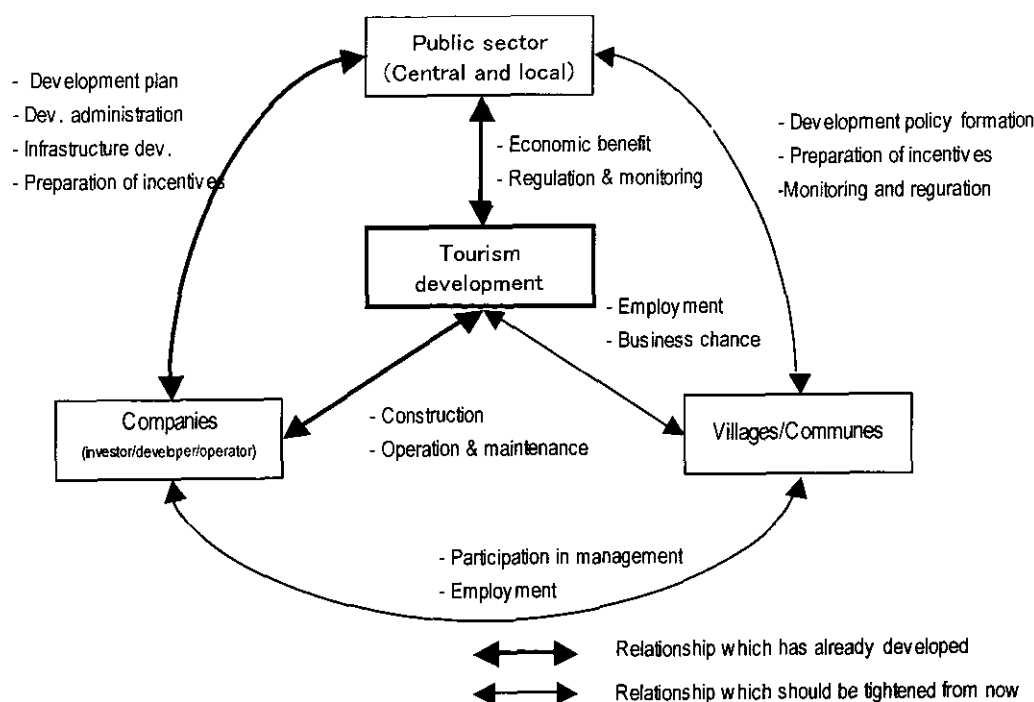
Dựa trên những tác động tích cực và tiêu cực của du lịch và theo ý kiến của người dân địa phương, những biện pháp sau đây cần được coi là ưu tiên.

(1) Thành lập các hệ thống để điều phối các hoạt động của những nhà nắm giữ tài nguyên.

Dựa trên quan sát thực tế và điều tra xã hội của Đoàn nghiên cứu JICA, thiếu phối hợp và các kênh thông tin giữa chính quyền với làng/xã và nhà đầu tư/nhà phát triển với cộng đồng được trình bày trong hình dưới đây. Các kênh thông tin này cần được xây dựng và củng cố. Việc phát triển cần đi liền với quy hoạch, đầu tư phù hợp và có sự tham gia của cộng đồng như sau:

- Kế hoạch phát triển cần được trao đổi với cư dân địa phương
- Các thông tin liên quan cần được công khai và giải thích bao gồm các lợi thế và bất lợi của phát triển du lịch
- Cần tạo ra các cơ hội để cư dân địa phương có thể cân nhắc việc tham gia.
- Không được phá hỏng cơ cấu và văn hóa của cộng đồng hiện có

Hình 3.1 Quan hệ giữa các nhóm liên quan



(2) Lập các kế hoạch, chiến lược và định hướng phát triển du lịch có chú trọng đến môi trường xã hội

Hiện nay, phát triển du lịch được điều chỉnh bởi các chính sách ở cấp trung ương và địa phương nhưng chúng được triển khai hết sức lộn xộn mà không có bất kỳ sự phối hợp thể chế nào. Nhằm nâng cao sự phối hợp thể chế, cần có các hoạt động sau:

- Hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ quốc tế để xác định khái niệm phát triển du lịch ở Việt Nam
- Mọi chiến lược và quy hoạch hiện có về phát triển kinh tế-xã hội, phát triển nông thôn, xoá đói giảm nghèo, gìn giữ các giá trị lịch sử, văn hoá, nghệ thuật truyền thống cần được liên kết đồng bộ với nhau và với phát triển du lịch
- Tăng cường nhận thức tầm quan trọng của du lịch đối với phát triển kinh tế xã hội trong chính quyền và người dân địa phương
- Cần tiến hành các khảo sát tác động xã hội và kinh tế xã hội để hiểu rõ điều kiện, hiện trạng của địa phương. Những trường hợp tương tự ở các nước khác cần được nghiên cứu và áp dụng
- Những hệ thống phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan liên quan để triển khai các chiến lược và kế hoạch cần được thiết lập

3.4.4 Bảo vệ môi trường và cải thiện tiện nghi đô thị

Các thành phố là những nơi tập trung cơ sở lưu trú và thu hút khách du lịch. Các thành phố/ trung tâm du lịch này cần được giữ gìn sạch sẽ, là nơi an toàn và tiện nghi cho du khách.

Việc đô thị hoá sẽ gây ra ô nhiễm đặc biệt là ô nhiễm nước, các vấn đề về chất thải rắn, và tác động đến mỹ quan. Các vấn đề sau ghi nhận được trong vùng nghiên cứu.

- Các định hướng phát triển đô thị để duy trì tốt môi trường đặc biệt là cho những khu vực được đánh giá là quan trọng đối với du khách cũng như người dân đô thị đó như khu vực ven biển Đà Nẵng, ven sông Hương Giang - Huế, ven sông Thu Bồn - Hội An, v.v..
- Quản lý các hoạt động vui chơi giải trí ven biển sao cho an toàn và tiện lợi
- Kiểm soát phát triển xây dựng để bảo vệ cảnh quan bờ biển hay sườn đồi
- Cải thiện môi trường đô thị với hệ thống thoát nước và quản lý chất thải phù hợp